

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 28/3/2024
V/v tranh chấp: “Ly hôn, chia tài
sản chung”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Triều

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Kim Em

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 423/2023/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 132 /2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh **Lương Quốc H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thanh Thùy T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Lương Văn T1**, sinh năm 1951.

2. Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Ông Lương Văn T1 và Bà Nguyễn Thị Q.

(Anh H1, chị T, ông T1, bà Q có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn Lương Quốc H trình bày:

Anh H và chị T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T huyện C tỉnh Tiền Giang. Anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân là do không

hợp tính tình, không có tiếng nói chung hay cự cãi với nhau, nay anh chị đã ly thân. Nay anh xin ly hôn với chị T.

Về con chung: có 02 con chung tên Lương Nguyễn Trường V sinh ngày 09/11/2004 và Lương Nguyễn Phương N sinh ngày 27/4/2006 hiện đang sống với anh H, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh H xác định chỉ có xe mô tô honda vision biển kiểm soát 63B3 387.07 do anh đứng tên và xe mô tô yamaha exciter biển kiểm soát 63B3 - 474.29 do anh đứng tên là tài sản chung của vợ chồng, đồng ý chia theo quy định của pháp luật, còn các tài sản khác của cha mẹ anh, anh không đồng ý chia.

- Về nợ chung: anh H trình bày không có.

** Theo bị đơn Nguyễn Thanh Thùy T trình bày:*

Chị T thống nhất về lời trình bày của anh H về quá trình kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

- Về con chung: Đồng ý giao 02 con chung cho anh H nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi theo quy định của pháp luật các tài sản chung gồm:

+ Một ngôi nhà tường kiên cố một trệt 02 lầu xây dựng trên thửa đất 196 tờ bản đồ số 03 tại ấp T xã T huyện C tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00188.QSĐĐ/TH ngày 24/6/1997 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lương Văn T1.

+ Quyền sử dụng đất thửa 3807 tờ bản đồ số 03 tại ấp T xã T huyện C tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03335 ngày 01/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Lương Văn T1.

+ Một xưởng sản xuất bún trên thửa đất 196 tờ bản đồ số 03 tại ấp T xã T do ông T1 đứng tên.

+ Một ô tô con Toyota Fortuner biển số 63A-121.50 do ông T1 đứng tên.

+ Một ô tô tải THACO FRONTINER biển số 63C 11382 do anh H đứng tên.

+ Một xe honda vision biển số 63B3- 387.07 do anh H đứng tên và chị đang quản lý sử dụng, một xe mô tô yamaha exciter biển số 63B3-474.29 do anh H đứng tên và đang quản lý sử dụng.

Các tài sản này trong quá trình chung sống thì vợ chồng gom góp tiền bạc để mua nhưng nhờ cha chồng là ông T1 đứng tên và có tài sản thì để anh H đứng tên.

Chị rút lại yêu cầu chia các tài sản là một ki ốt bán bún, Một ô tô tải Citivan biển số 51E 228.14.

Giá trị tài sản tính theo biên bản định giá của Tòa án, chị T yêu cầu được nhận giá trị tài sản.

- Về nợ chung: chị T trình bày không có.

** Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lương Văn T1 trình bày:*

Đối với các tài sản mà chị T cho rằng là tài sản chung của chị T và anh H bao gồm:

- + Một ngôi nhà tường bán kiên cố (một trệt 02 lầu) xây dựng trên thửa đất 2813 tờ bản đồ số 03 tại ấp T xã T do ông T1 đứng tên.

- + Quyền sử dụng đất thửa 3807 tờ bản đồ số 03 tại ấp T xã T do ông T1 đứng tên.

- + Một xưởng sản xuất bún trên thửa đất 2813 tờ bản đồ số 03 tại ấp T xã T do ông T1 đứng tên.

- + Một ki ốt bán bún tại chợ T4 huyện C tỉnh Tiền Giang.

- + Một ô tô con Toyota Fortuner biển số 63A-121.50 do ông T1 đứng tên.

- + Một ô tô tải THACO FRONTIER biển số 63C 113.82 do anh H đứng tên.

- + Một xe honda vision biển số 63B3- 387.07 do anh H đứng tên và đang quản lý sử dụng, một xe mô tô yamaha exciter biển số 63B3-474.29 do anh H đứng tên và đang quản lý sử dụng.

Các tài sản này ông T1 có ý kiến như sau: Khi anh H và chị T kết hôn không có chỗ ở và cũng không có việc làm nên ông cho vợ chồng anh H và chị T ở nhờ và làm thuê tại lò bún của ông T1, ông T1 có trả tiền công để vợ chồng anh H, chị T sinh sống và nuôi con cũng như sinh hoạt hàng ngày và dành dụm mua được 02 xe mô tô . Tất cả tài sản còn lại mà chị T liệt kê là của ông T1 tự mua sắm từ nguồn lợi nhuận kinh doanh lò bún. Riêng xe THACO FRONTIER biển kiểm soát 63C-113.82 của ông T1 nhưng để anh H đứng tên là do mua trả góp và vì ông lớn tuổi không thể đứng tên mua trả góp được.

Việc chị T yêu cầu chia đôi số tài sản nêu trên là không có cơ sở (Trừ hai xe mô tô anh H và chị T mua), đề nghị Tòa án bác yêu cầu chia tài sản của chị T.

** Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Q trình bày:*

Bà là mẹ ruột của anh Lương Quốc H, bà không có mâu thuẫn gì với anh H và chị T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2020 tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bà có ý kiến như sau:

Căn nhà tường kiên cố (01 trệt, 02 lầu) và xưởng bún, bánh hời, bánh ướt cất trên đất của bà và ông T1. Nguồn gốc căn nhà là có từ trước năm 1980, bà và ông T1 đã xây cất căn nhà 03 căn trên đất. Sau khi H và T cưới nhau thì cùng chung sống với vợ chồng bà ở căn nhà này. Quá trình chung sống H và T đã sử dụng 2/3 căn nhà để làm xưởng sản xuất bún, bánh hời, bánh ướt. Còn lại 1/3 căn nhà thì dùng để xây cất 01 trệt + 02 lầu như hiện nay. Khoảng năm 2018 H và T tự bỏ tiền ra để xây cất nhà 01 trệt + 02 lầu vì từ năm 2004 bà và ông T1 đã giao lại công việc làm bún, bánh hời, bánh ướt cho H và T trực tiếp kinh doanh quản lý. Bà không biết ai là người trực tiếp giữ tiền nhưng khi cất nhà là H và T cùng bỏ tiền ra để cất.

- Đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T sau ly hôn, bà không có ý kiến gì, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về quyền sử dụng đất khoảng 300m²: bà được biết phần đất này có chiều ngang 10m, chiều dài khoảng 37m. Trên đất có cất 01 dãy gồm 05 phòng trọ tại ấp T xã T huyện C tỉnh Tiền Giang. Phần đất này do H mua từ năm 2019, thời điểm này H và T đã xảy ra mâu thuẫn, T đã ra ngoài ở. Tiền mua đất do H và T hốt hụi, sau khi mua đất H đã để cho chồng bà là ông T1 đứng tên.

- Kí ốt bán bún ở chợ T4 là do H và T thuê nên bà không biết thuê từ năm nào.

- 01 ô tô Toyota 07 chỗ hiệu Fortuner biển số 63A-121.50: mua vào tháng 9 năm 2019, thời điểm này H và T đã sống ly thân; tiền mua xe không liên quan gì đến chị T do bà và ông T1 đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để có tiền mua, ông T1 là người đứng tên giấy đăng ký xe.

- 01 ô tô tải hiệu THACO FROTIER biển số 63C-113.82: xe này mua trả góp từ năm 2017 đến đầu năm 2018, sau khi trả góp xong do H đứng tên giấy đăng ký xe. Thời điểm này H và T còn sống chung nên theo bà nguồn tiền mua xe là do 2 vợ chồng đã bỏ ra.

- 01 ô tô tải hiệu CITIVAN biển số 51E-228.14: bà không nhớ xe này được mua khi nào, chỉ biết là H mua lại xe cũ ở thành phố Hồ Chí Minh để về chở bún. Bà không biết xe này do ai đứng tên. Thời điểm này H và T còn sống chung nên theo bà nguồn tiền mua xe là do 2 vợ chồng đã bỏ ra.

- 01 xe honda VISION: xe này mua khoảng năm 2015-2016, chị T dùng để chở bún đi bán. Thời điểm này H và T còn sống chung nên theo bà nguồn tiền mua xe là do 2 vợ chồng đã bỏ ra. Đến khi T và H xảy ra mâu thuẫn, T bỏ nhà đi cũng để xe ở lại.

- 01 xe moto YAMAHA EXCITER, biển số 63B3-474.29: mua vào khoảng năm 2015, thời điểm này H và T còn sống chung nên theo bà nguồn tiền mua xe là do 2 vợ chồng đã bỏ ra. Xe do H đứng tên và trực tiếp sử dụng cho đến nay.

Tuy nhiên tại bản tự khai tháng 12/2022 bà Q có ý kiến như sau:

Đối với 04 thửa đất gồm:

- Thửa đất số 196, diện tích 269m²;
- Thửa đất số 402, diện tích 697m²;
- Thửa đất số 468, diện tích 2.537m²;
- Thửa đất số 3807 diện tích 350,1m²

Cùng địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C tỉnh Tiền Giang và tài sản gắn liền trên đất gồm:

- Thửa đất số 196, diện tích 269m²: 01 căn nhà kiên cố xây dựng từ trước năm 1975, đến năm 2018 do nhà cũ bị xuống cấp nặng nên bà cùng chồng có xây dựng lại kiên cố (01 trệt + 01 lầu); phần diện tích còn lại bà có xây dựng nhà xưởng để làm nơi sản xuất bún, bánh ướt, bánh hoi.

- Thửa đất số 3807 diện tích 350,1m²: một số công trình tạm với mục đích sử dụng làm nơi chứa và xử lý chất đốt và là nơi nghỉ trưa cho lao động đến làm.

Do H và T có đơn xin ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn bao gồm những tài sản trên là thuộc quyền sử dụng của bà cùng chồng là ông

T1. Nên bà yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị T.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 423/2023/HNGĐ-ST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 146, 227, 228, 246, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 59, 61, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 288, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Lương Quốc H.

Anh Lương Quốc H được ly hôn với chị Nguyễn Thanh Thùy T.

2. Về con chung: giao con chung tên L Nguyễn Phương N sinh ngày 27/4/2006 cho anh H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, chị T được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1. Chị T được quyền sở hữu hơn đa vision biển kiểm soát 63B3-387.07 và ½ giá trị xe ô tô THACO FRONTINER.

Chị T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu xe hơn đa vision biển kiểm soát 63B3- 387.07.

3.2. Anh H được quyền sở hữu một xe mô tô Yamaha exciter biển kiểm soát 63B3-474.29 và một xe ô tô tải THACO FRONTINER biển kiểm soát 63C-113.82. Anh H có nghĩa vụ giao trả cho chị T một hơn đa vision biển kiểm soát 63B3- 387.07 và số tiền 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) ½ giá trị xe tải THACO FRONTINER.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3.3. Ông Lương Văn T1 và bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ liên đới giao trả cho chị Nguyễn Thanh T2 T số tiền 563.735.017đ (Năm trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn không trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngày 18/8/2023 ông Lương Văn T1 và bà Nguyễn Thị Q có đơn kháng cáo không chấp nhận liên đới giao cho Nguyễn Thanh Thùy T số tiền 563.735.017đ (Năm trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn không trăm mười bảy đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm

Bị đơn chị Nguyễn Thanh Thùy T có đơn rút yêu cầu phân chia tài sản trong hôn nhân để về Vợ chồng tự thỏa thuận lại và xin xét xử vắng mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn T1 và bà Nguyễn Thị Q có đơn rút yêu cầu kháng cáo vì bị đơn chị T3 rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn anh Lương Quốc H có đơn xin vắng mặt và đồng ý việc bị đơn chị T rút yêu cầu về phần chia tài sản

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tổ tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn chị Nguyễn Thanh Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt và có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, để vợ chồng tự thoả thuận lại, ông Lương Văn T1 và bà Nguyễn Thị Q có đơn rút yêu cầu kháng cáo. Đề nghị huỷ một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 423/2023/HNGĐ-ST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện C về phần tài sản, đình chỉ yêu cầu kháng cáo của của ông Lương Văn T1 và bà Nguyễn Thị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời trình bày của các đương sự, và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về thời hạn kháng cáo của của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn T1 và bà Nguyễn Thị Q còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, chia tài sản” là đúng quy định pháp luật.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lương Quốc H, bị đơn Chị Nguyễn Thanh Thùy T, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn T1, bà Nguyễn Thị Q có mặt căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Qua nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy cấp sơ thẩm giải quyết:

4.1. Về quan hệ hôn nhân Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Lương Quốc H. anh Lương Quốc H được ly hôn với chị Nguyễn Thanh Thùy T.

4.2. Về con chung: Giao con chung tên L Nguyễn Phương N sinh ngày 27/4/2006 cho anh H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, chị T được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự Lương Quốc H và chị Nguyễn Thanh T2 T không kháng cáo về quan hệ hôn nhân và con chung, người liên quan ông Lương Văn T1, bà Nguyễn Thị Q chỉ kháng cáo về phần không chấp nhận liên đới giao cho Nguyễn Thanh Thùy T số tiền 563.735.017đ (Năm trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn không trăm mười bảy đồng).

Tại phiên toà phúc thẩm chị Nguyễn Thanh Thùy T bị đơn là người có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, nhưng tại phiên phúc thẩm chị có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản anh H để vợ chồng tự thoả thuận lại và vắng mặt

Xét việc tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của chị T là phù hợp với pháp luật.

Ông Lương Văn T1, bà Nguyễn Thị Q, ông T1 bà Q có đơn xin rút kháng cáo lý do chị T đã rút yêu cầu chia tài sản, xét đây là ý chí tự nguyện của ông bà, đồng thời việc rút yêu cầu chia tài sản chung của chị T không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc rút yêu cầu chia tài sản chung của chị T anh H cũng đồng ý không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Lương Văn T1, bà Nguyễn Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về án phí: Anh H, chị T phải chịu án phí sơ thẩm,

Ông T1, bà Q được miễn án phí do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Căn cứ các Điều 28, 146, 227, 228, 246, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 59, 61, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 288, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hủy một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 423/2023/HNGĐ-ST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện C về phần tài sản

- Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông Lương Văn T1 và bà Nguyễn Thị Q.

- Chấp nhận rút yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T2 T về phần yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Lương Quốc H.

Anh Lương Quốc H được ly hôn với chị Nguyễn Thanh Thùy T.

2. Về con chung: giao con chung tên L Nguyễn Phương N sinh ngày 27/4/2006 cho anh H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, chị T được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Hậu quả pháp lý của việc rút đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là chị Nguyễn Thanh T2 T được quyền khởi kiện lại yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

3. Về án phí:

Anh Lương Quốc H phải chịu 150.000đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm và 7.100.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh H đã tạm nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01948 ngày 25 tháng 2 năm 2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện C, do vậy anh H còn phải nộp tiếp 6.950.000đồng.

Chị Nguyễn Thanh Thùy T phải chịu 150.000đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm và 6.750.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, chị T đã tạm nộp 8.735.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0052651 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện C, do vậy trả lại cho chị T số tiền 1.475.000đồng tiền tạm ứng án phí.

Ông Lương Văn T1, bà Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí sơ thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều